

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN ỦY BAN (EU) 2021/1378**của 19 Tháng Tám 2021**

đặt ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu

(Văn bản có liên quan đến EEA)

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 [\(1\)](#), và đặc biệt là Điều 45 (4) và 46 (1) của chúng,

Trong khi đó:

- (1) Theo điểm (b)(i) Điều 45(1) của Quy định (EU) 2018/848, một sản phẩm có thể được nhập khẩu từ một nước thứ ba với mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc dưới dạng sản phẩm chuyển đổi, nếu các nhà khai thác và nhóm nhà khai thác, bao gồm cả các nhà xuất khẩu ở nước thứ ba có liên quan, đã chịu sự kiểm soát của các cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46 của Quy định đó và các cơ quan hoặc cơ quan đó đã cung cấp cho tất cả các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và nhà xuất khẩu đó giấy chứng nhận xác nhận rằng họ tuân thủ Quy định (EU) 2018/848.
- (2) Để có hiệu lực đối với điểm (b) (i) của Điều 45 (1) của Quy định (EU) 2018/848, nội dung của chúng chỉ được đề cập trong điều khoản đó phải được chỉ định, cũng như các phương tiện kỹ thuật mà nó sẽ được cấp.
- (3) Ngoài ra, vì mục đích của điểm (b) (i) của Điều 45 (1) của Quy định (EU) 2018/848, việc thiết lập trong Quy định này danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận có thẩm quyền thực hiện các kiểm soát đó và cấp giấy chứng nhận đó ở các nước thứ ba là phù hợp.
- (4) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định này nên được áp dụng kể từ ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848.
- (5) Các biện pháp quy định trong Quy chế này phù hợp với ý kiến của Ủy ban sản xuất hữu cơ,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:*Điều 1*

Giấy chứng nhận cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba

Các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát đã được công nhận theo Điều 46 (1) của Quy định (EU) 2018/848 sẽ cung cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và nhà xuất khẩu ở các nước thứ ba đã chịu các biện pháp kiểm soát nêu tại điểm (b) (i) của Điều 45 (1) của Quy định đó giấy chứng nhận xác nhận rằng các nhà khai thác đó, nhóm các nhà khai thác và xuất khẩu tuân thủ Quy định (EU) 2018/848 ("chứng chỉ").

Giấy chứng nhận sẽ:

(a) được ban hành dưới dạng điện tử, phù hợp với mẫu quy định tại Phụ lục I của Quy định này và bằng cách sử dụng Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại điện tử (TRACES) được đề cập tại điểm (36) Điều 2 của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ⁽²⁾;

(b) cho phép nhận dạng:

(i) nhà khai thác, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu thuộc phạm vi điều chỉnh của chứng chỉ, bao gồm danh sách các thành viên của một nhóm các nhà khai thác;

(ii) danh mục sản phẩm được cấp giấy chứng nhận, được phân loại theo cách tương tự như quy định tại Điều 35 (7) của Quy định (EU) 2018/848; và

(iii) thời hạn hiệu lực của nó;

(c) xác nhận rằng hoạt động của nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu tuân thủ Quy định (EU) 2018/848; và

(d) được cập nhật bất cứ khi nào có thay đổi liên quan đến dữ liệu có trong đó.

Điều 2

Danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận

1. Danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46(1) của Quy định (EU) 2018/848 được quy định tại Phụ lục II của Quy định này. Danh sách phải bao gồm các thông tin sau đây về từng cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận:

(a) tên, mã số của cơ quan kiểm soát, cơ quan kiểm soát;

(b) các loại sản phẩm, như được nêu trong Điều 35 (7) của Quy định (EU) 2018/848, cho mỗi quốc gia thứ ba;

(c) các nước thứ ba mà các loại sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ, với điều kiện là các nước thứ ba đó chưa được bảo vệ đối với danh mục sản phẩm hoặc sản phẩm liên quan theo thỏa thuận về thương mại các sản phẩm hữu cơ theo Điều 47 của Quy định (EU) 2018/848 hoặc thông qua sự công nhận tương đương theo Điều 48 của Quy định đó;

(d) thời hạn công nhận; và

(e) các trường hợp ngoại lệ đối với việc công nhận, khi thích hợp.

2. Thông tin chi tiết liên quan đến địa chỉ gửi thư, địa chỉ trang web và đầu mối liên hệ email của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, cũng như tên của tổ chức công nhận cấp chứng nhận theo điểm (d) của Điều 46 (2) của Quy định (EU) 2018/848, sẽ được công bố công khai thông qua trang web cạnh tác hữu cơ của Ủy ban.

Điều 3

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Chương trình áp dụng từ ngày 1/1/2022.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 19 tháng 8 năm 2021.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula VON DER LEYEN

[\[1\] OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1.](#)

[\[2\] Quy định thực hiện của Ủy ban \(EU\) 2019/1715 ngày 30 tháng 9 năm 2019 đặt ra các quy tắc cho hoạt động của hệ thống quản lý thông tin cho các kiểm soát chính thức và các thành phần hệ thống của nó \(Quy định IMSOC\) \(OJ L 261, 14.10.2019, trang 37\).](#)

PHỤ LỤC I

MÔ HÌNH CỦA CHỨNG CHỈ

GIẤY CHỨNG NHẬN CHO CÁC NHÀ KHAI THÁC, NHÓM NHÀ KHAI THÁC VÀ XUẤT KHẨU Ở CÁC NƯỚC THỨ BA CHO CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC NHẬP KHẨU VÀO LIÊN MINH CHÂU ÂU DƯỚI DẠNG SẢN PHẨM HỮU CƠ HOẶC SẢN PHẨM CHUYỂN ĐỔI

Phần I: Các yếu tố bắt buộc

1. Số tài liệu	2.(chọn cho phù hợp) - Toán tử - Nhóm các nhà khai thác – xem điểm 10 - Xuất khẩu
3.Tên và địa chỉ của nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu:	4.Tên, địa chỉ và số mã của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nhà khai thác, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu:
5.Hoạt động hoặc hoạt động của nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu (chọn khi thích hợp):	
• Sản xuất	
• Chuẩn bị	
• Phân phối	
• Lưu trữ	
• Nhập khẩu	

Xuất khẩu
6. Danh mục hoặc danh mục sản phẩm theo quy định tại Điều 35 (7) của Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (1) và phương pháp sản xuất (chọn phù hợp):
(a) thực vật chưa qua chế biến và các sản phẩm thực vật, bao gồm hạt giống và vật liệu sinh sản thực vật khác Phương pháp sản xuất: ☐ sản xuất hữu cơ không bao gồm trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ
(b) chăn nuôi và các sản phẩm chăn nuôi chưa qua chế biến Phương pháp sản xuất: ☐ sản xuất hữu cơ không bao gồm trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ
(c) tảo và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến Phương pháp sản xuất: ☐ sản xuất hữu cơ không bao gồm trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất trong thời gian chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ
(d) nông sản chế biến, bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy sản, để sử dụng làm thực phẩm Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ ☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ
(e) cho ăn Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ ☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ
(f) rượu vang Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ

☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
(g) các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 hoặc không thuộc các danh mục trước Phương pháp sản xuất: ☐ Sản xuất sản phẩm hữu cơ ☐ Sản xuất sản phẩm chuyển đổi ☐ sản xuất hữu cơ với sản xuất phi hữu cơ	
7. Danh mục sản phẩm:	
Tên của sản phẩm và / hoặc mã Danh pháp kết hợp (CN) như được đề cập trong Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ⁽²⁾ đối với các sản phẩm thuộc phạm vi Quy định (EU) 2018/848	☐ Hữu cơ ☐ Đang chuyển đổi
Tài liệu này đã được ban hành theo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ⁽³⁾ để xác nhận rằng nhà điều hành, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu (chọn khi thích hợp) tuân thủ Quy định (EU) 2018/848.	
8. Ngày, địa điểm Tên và chữ ký thay mặt cơ quan kiểm soát ban hành hoặc cơ quan kiểm soát:	9. Giấy chứng nhận có giá trị từ..... [chèn ngày] vào.. [chèn ngày]
10. Danh sách các thành viên của nhóm các nhà khai thác theo định nghĩa tại Điều 36 của Quy định (EU) 2018/848	
Tên thành viên	Địa chỉ hoặc hình thức nhận dạng thành viên khác

Phần II: Các yếu tố tùy chọn cụ thể

Một hoặc nhiều yếu tố sẽ được hoàn thành nếu được quyết định bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát cấp giấy chứng nhận cho nhà khai thác, nhóm nhà khai thác hoặc nhà xuất khẩu theo Quy định thực hiện (EU) 2021/1378

1. Số lượng sản phẩm

Tên sản phẩm và/hoặc mã CN như được đề cập trong Quy định (EEC) số 2658/87 đối với các sản phẩm thuộc phạm vi Quy định (EU) 2018/848.	☐ Hữu cơ ☐ Đang chuyển đổi	Số lượng ước tính bằng kilôgam, lít hoặc, nếu có liên quan, theo số lượng đơn vị.

2. Thông tin về đất đai

Tên sản phẩm	☐ Hữu cơ ☐ Đang chuyển đổi ☐ Không hữu cơ	Bề mặt tính bằng ha

3. Danh sách các cơ sở hoặc đơn vị nơi hoạt động được thực hiện bởi nhà điều hành hoặc nhóm người vận hành

Địa chỉ hoặc vị trí địa lý	Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I

4. Thông tin về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện bởi nhà điều hành hoặc nhóm nhà khai thác và liệu hoạt động đó có được thực hiện cho mục đích riêng của họ hay với tư cách là nhà thầu phụ thực hiện hoạt động hoặc hoạt động cho nhà điều hành khác, trong khi nhà thầu phụ vẫn chịu trách nhiệm về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện

Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I	☐ Thực hiện các hoạt động / hoạt động cho mục đích riêng ☐ Thực hiện hoạt động / hoạt động với tư cách là nhà thầu phụ cho một nhà khai thác khác, trong khi nhà thầu phụ vẫn chịu trách nhiệm về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện

5. Thông tin về hoạt động hoặc hoạt động được thực hiện bởi bên thứ ba ký hợp đồng phụ

Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I	☐ Nhà điều hành hoặc nhóm nhà khai thác vẫn chịu trách nhiệm ☐ Bên thứ ba ký hợp đồng phụ chịu trách nhiệm

6. Danh sách các nhà thầu phụ thực hiện một hoạt động hoặc hoạt động cho nhà điều hành hoặc nhóm nhà khai thác mà nhà điều hành hoặc nhóm nhà khai thác vẫn chịu

trách nhiệm liên quan đến sản xuất hữu cơ và không chuyển giao trách nhiệm đó cho nhà thầu phụ

Tên và địa chỉ	Mô tả hoạt động hoặc hoạt động được đề cập tại điểm 5 của phần I

7. Thông tin về việc công nhận cơ quan kiểm soát theo điểm (d) Điều 46 (2) của Quy định (EU) 2018/848

- (a) tên cơ quan kiểm định;
- (b) siêu liên kết đến giấy chứng nhận công nhận.

8. Thông tin khác

--

^[1] Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ([OJ L 150.14.6.2018, trang 1](#)).

^[2] Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ngày 23 tháng 7 năm 1987 về thuế quan và danh pháp thống kê và về Biểu thuế hải quan chung ([OJ L 256 7.9.1987, trang 1](#)).

^[3] Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ngày 19 tháng 8 năm 2021 đặt ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ([OJ L 297, 20.8.2021, tr. 24](#)).

PHỤ LỤC II

Danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848

Theo mục đích của Phụ lục này, các danh mục sản phẩm được chỉ định bởi các mã sau:

Một: thực vật chưa qua chế biến và các sản phẩm thực vật, bao gồm hạt giống và vật liệu sinh sản thực vật khác;

B : chăn nuôi và các sản phẩm chăn nuôi chưa qua chế biến;

C : tảo và các sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến;

D : nông sản chế biến, bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy sản, để sử dụng làm thực phẩm;

E : cho ăn;

F : rượu vang;

G : các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 hoặc không thuộc các danh mục trước đó.

Thông tin liên quan đến địa chỉ gửi thư, địa chỉ trang web và đầu mối liên lạc email của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, cũng như tên của cơ quan công nhận cấp chứng nhận, có thể được tìm thấy trên trang web cạnh tác hữu cơ của Ủy ban.

Tên cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát:

1. Số mã, quốc gia thứ ba và danh mục sản phẩm liên quan

Mã số	Nước thứ ba	Danh mục sản phẩm						
XX-SINH HỌC-XXX		Một	B	C	D	E	F	G

2. Thời hạn công nhận:

3. Ngoại lệ: